NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

QUAN HỆ NGÔN NGỮ-VĂN HOÁ VÀ VIỆC DẠY HỌC NGOẠI NGỮ Ở BẬC PHỔ THÔNG

ĐỖ VIỆT HÙNG
(PGS, TS, Khoa Ngữ văn, ĐHSP HN)

1. Đặt vấn đề

Vấn đề về mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ luôn được các nhà khoa học dành cho một sự quan tâm rất lớn. Một thời gian dài, với các khoa học chuyên ngành, các vấn đề văn hóa và ngôn ngữ là đối tượng nghiên cứu của các ngành khoa học khác nhau, độc lập với nhau. Và, từng ngành nghiên cứu đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

Xu hướng nghiên cứu liên ngành hiện nay phát triển mạnh mẽ nhằm bù đắp những thiếu hụt do nghiên cứu chuyên ngành để lại đang đặt ra những vấn đề mới cần giải quyết nhằm có cái nhìn toàn diện hơn về một lĩnh vực nào đó.

Thành tựu nghiên cứu liên ngành cho phép nhìn nhận lại các hiện tượng vốn là đối tượng của các ngành khoa học khác nhau, độc lập với nhau, trong đó có ngôn ngữ và văn hóa. Và từ những nghiên cứu cơ bản có thể có những vận dụng, điều chỉnh trong dạy học ở nhà trường, trước hết là dạy học bản ngữ, nhất là có thể đánh giá lại, bổ sung những mục tiêu cần thiết để hoàn thiện hơn về chương trình và nội dung dạy học.

2. Vai trò của ngôn ngữ đối với văn hoá

Ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn hóa được nhìn nhận rất khác nhau. Vai trò của ngôn ngữ đối với văn hóa cộng đồng và văn hóa dân tộc cũng được quan niệm rất da dạng. Nhìn chung có thể nêu lại thành ba hướng quan niệm chính như sau:

2.1. Ngôn ngữ là phương tiện phản ánh văn hóa

Đại diện của quan điểm cho rằng ngôn ngữ là phương tiện phản ánh văn hóa là một số nhà khoa học Nga như X.A. Antonovxkji, G.A. Brutjan, E.I. Kukushkin. E.X. Markarjan. Những nhà khoa học này cùng một số người đồng quan điểm cho rằng quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa là quan hệ một chiều: vì ngôn ngữ phản ánh hiện thực, còn văn hóa là một thành tố không tách rời khỏi hiện thực mà con người tác động đến nên ngôn ngữ đơn giản là sự phản ánh văn hóa. Có thể thấy rất rõ ảnh hưởng của văn hóa đến ngôn ngữ nhưng ngược lại, sự ảnh hưởng của ngôn ngữ đến văn hóa vẫn còn là vấn đề mở, chưa thật sự được chấp nhận một cách rộng rãi.

Với vai trò là phương tiện phản ánh văn hóa dân tộc, ngôn ngữ được nhìn nhận như một tổng thể riêng thống nhất có khả năng bao quát toàn bộ nền văn hóa phức tạp nhiều tầng bậc của xã hội qua vốn từ vựng ngữ nghĩa của mình. N. Smelser – nhà xã hội học văn hóa Mĩ – cho rằng "mọi thành tố của văn hóa … đều có thể được thể hiện trong ngôn ngữ" [8, trang 52]. Nhìn nhận ngôn ngữ như một hiện tượng văn hóa-xã hội có khả năng lớn thúc đẩy quá trình hình thành và tổ chức kinh nghiệm của con người. Ông giải thích: "Cũng như toàn bộ nền văn hóa trong tổng thể, ngôn ngữ chỉ lựa chọn những giá trị chung được mọi thành viên chấp nhận, sử dụng chúng và hiểu được chúng." [8, 53]. Tuy nhiên, "sự có mặt của những giá trị chung" chỉ được chấp nhận trong phạm vi một ngôn ngữ cụ thể. Và, do vậy, từ góc độ xã hội- triết học, ngôn ngữ còn một

chức năng quan trọng nữa đối với việc xác định đặc trưng văn hóa dân tộc ở từng cá thể - đó là chức năng định dạng các thành viên của nhóm xã hội, của cộng đồng dân tộc. "Một mặt, khả năng giao tiếp thúc đẩy sự thống nhất các thành viên của nhóm xã hội. Mặt khác – ngôn ngữ chung loại trừ những người không nói bằng ngôn ngữ đó"[8, 48].

Tuy coi ngôn ngữ là phương tiện phản ánh văn hóa nhưng nhiều nhà khoa học nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của ngôn ngữ đối với văn hóa. Cả ngôn ngữ và văn hóa đều là những khái niệm quan trọng. Chẳng hạn, theo V.I. Karasik thì "ngôn ngữ và văn hóa – đều là các khái niệm quan trọng của tri thức nhân văn. Bản chất xã hội của ngôn ngữ nằm ở chỗ nó tồn tại, trước hết trong nhận thức ngôn ngữ - vừa của tập thể vừa của cá nhân. Theo đó, tập thể ngôn ngữ, một mặt, có tính thống nhất, mặt khác là hiện thân của văn hóa trong ngôn ngữ" [4,8].

2.2. Ngôn ngữ là bộ phận của văn hóa

Điển hình cho quan niệm ngôn ngữ là bộ phận của văn hóa là N.I.Tolstoji. Trong bài viết Ngôn ngữ và Văn hóa, ông viết: "Quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ có thể xem xét như mối quan hệ giữa tổng thể và bộ phận của tổng thể đó. Ngôn ngữ có thể tiếp nhận hoặc như một thành tố của văn hóa hoặc công cụ của văn hóa, đặc biệt khi nói đến ngôn ngữ văn học hoặc ngôn ngữ dân gian". Nhìn nhận ngôn ngữ là bộ phận của văn hóa, N.I.Tolstoji vẫn chú trọng đến tính độc lập của ngôn ngữ đối với văn hóa. Ông viết tiếp "Song, ngôn ngữ, đồng thời, cũng độc lập trong quan hệ với văn hóa như một tổng thể, và nó có thể được xem xét tách khỏi văn hóa (và điều đó cũng xảy ra thường xuyên) hoặc trong thế so sánh với văn hóa như một thể bình đẳng." [9, 16).

Quan niệm ngôn ngữ như một thành tố trong hệ thống văn hóa dẫn đến việc xác định văn hóa cũng tồn tại như một hệ thống tín hiệu. Theo quan niệm này, văn hóa cổ điển là hệ thống tín hiệu tương đối đóng; và, một nền văn hóa muốn giao tiếp được với nền văn hóa khác thì cần có sự giải mã mỗi hệ thống văn hóa. Vì văn hóa, theo IU.M. Lotman, – là trí nhớ đã được mã hóa bằng ngôn ngữ thực tế: "Ngôn ngữ - đó là mã cộng với lịch sử của nó" [6, 13].

Coi ngôn ngữ và văn hóa là hai hệ thống tín hiệu, mặc dù có thể tồn tại khác nhau, nhưng các nhà khoa học cho rằng giữa văn hóa và ngôn ngữ tồn tại khá nhiều điểm chung, ví dụ, các hình thái nhận thức thể hiện thế giới quan của con người; cả văn hóa, cả ngôn ngữ đều có tính chuẩn mực và tính lịch sử, chủ thể của ngôn ngữ cũng như của văn hóa – luôn hoặc là cá thể hoặc là tập thể, là cá nhân hoặc xã hội.

2.3. Ngôn ngữ có vai trò quyết định đối với tư duy và theo đó là văn hóa cộng đồng

Sinh thời, V. Humboldt đã cố gắng giải quyết vấn đề về mối quan hệ qua lại giữa ngôn ngữ và văn hóa, ông đưa ra tư tưởng văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần được hòa quyện trong ngôn ngữ; bất kì nền văn hóa nào cũng mang tính dân tộc; tính dân tộc của nó được thể hiện trong ngôn ngữ qua cách nhìn thế giới; ngôn ngữ có hình thái bên trong đặc trưng cho mỗi dân tộc; ngôn ngữ chính là cầu nối giữa con người và thế giới xung quanh. Ngôn ngữ chứa trong mình toàn bộ tài sản của văn hóa, và ngược lại, bất kì nền văn hóa của dân tộc nào cũng gắn với đặc điểm đặc thù của một ngôn ngữ cụ thể. Ngôn ngữ, theo D.C. Likhashop "như là một điểm trung tâm của văn hóa dân tộc và được hiện thực hóa qua các nhóm người khác nhau của cộng đồng" [5, 28). Cùng quan điểm với Humboldt về mối quan hệ chặt chẽ giữa ngôn ngữ với "tinh thần dân tộc" nhiều nhà khoa học nhấn mạnh đến ngôn ngữ như là môi trường sống của con người, ngôn ngữ tồn tại trong tâm hồn, trong suy nghĩ, trong trí óc, trong nhận thức của cộng đồng.

Vấn đề về quan hệ giữa ngôn ngữ với tư duy và văn hóa dân tộc cũng được đề cập đến trong các nghiên cứu của trường phái E. Sapir, B. Worf, và các trường phái Tân Humboldt khác với "giả thuyết về tính tương đối của

ngôn ngữ". Cơ sở của giả thuyết này là sự khẳng định rằng, con người nhìn thế giới theo những cách khác nhau – thông qua tiếng mẹ đẻ. Theo các nhà khoa học thuộc trường phái này thì thế giới thực tại tồn tại như nó được phản ánh trong ngôn ngữ. Nhưng mỗi ngôn ngữ phản ánh hiện thực theo cách riêng của mình, và, theo đó, các ngôn ngữ khác nhau ở "bức tranh ngôn ngữ về thế giới" B. Worf nhận định, ngôn ngữ - không phải là phương tiện phản ánh, không phải là "cái hộp của tư tưởng" mà là hình thái quyết định cách "suy nghĩ của chúng ta". Chúng ta có thể thấy và cảm nhận thế giới khác nhau, nhưng chính ngôn ngữ xác định cách chúng ta thấy và cách chúng ta cảm nhận thế giới xung quanh. Ông viết: " Đã xác định được rằng cơ sở của hệ thống bất kì ngôn ngữ nào không chỉ đơn giản là phương tiện để thể hiện ý tưởng. Ngược lại, chính ngữ pháp của ngôn ngữ hình thành nên tư tưởng, là chương trình và chỉ đạo hoạt động suy nghĩ của cá nhân, là công cụ phân tích các ấn tượng và cảm xúc … Chúng ta phân chia tự nhiên theo các hướng do bản ngữ chỉ dẫn. Chúng ta xác lập trong thế giới hiện thực các phạm trù, các thể loại hoàn toàn không phải vì chúng hiển nhiên như thế mà ngược lại, thế giới hiện ra trước chúng ta như một "dòng chảy" các ấn tượng được tổ chức bởi nhận thức của chúng ta, và đó chính là bởi hệ thống ngôn ngữ trong nhận thức của chúng ta. Chúng ta phân chia thế giới, tổ chức thế giới vào các khái niệm, phân bổ chúng vào các nghĩa như đang có mà không khác đi, chủ yếu là vì chúng ta tham gia vào một thỏa ước về hệ thống. Thỏa ước này có hiệu lực đối với một cộng đồng ngôn ngữ xác định và được cố định hóa trong hệ thống các mô hình ngôn ngữ của chúng ta" [10, 174].

Giả thuyết Sapir-Worf cho rằng ngôn ngữ quyết định cách tư duy của dân tộc nói ngôn ngữ đó; cách nhận thức thế giới hiện thực phụ thuộc và ngôn ngữ của các chủ thể nhận thức. Giả thuyết này có ý nghĩa quan trọng đối với nhiều công trình nghiên cứu văn hóa và ngôn ngữ sau này[1].

3. Nhiệm vụ giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong dạy học bản ngữ ở bậc phổ thông

3.1. Mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ liên quan chặt chẽ với sự thay đổi cách hiểu về ngôn ngữ. Đầu thế kỉ XIX, ngôn ngữ học từ chỗ chối bỏ mọi ảnh hưởng ngoài ngôn ngữ - "ngôn ngữ tự thân nó và phục vụ chính nó" – đi đến nhận thức về sự cần thiết phải tính đến các điều kiện ngoài ngôn ngữ như điều kiện tiếp xúc, tâm lí, cảnh huống giao tiếp … thậm chí đặt những điều kiện này vào một "điểm sáng trong nhận thức ngôn ngữ học" (Л. В. Щерба). Nếu những năm 70 của thế kỉ XX là đỉnh cao của ngữ nghĩa, những năm 80 – thời kì hoàng kim của phương pháp giao tiếp trong nghiên cứu ngôn ngữ, cuối thế kỉ XX – sự bùng nổ của ngôn ngữ học tri nhận, thì những năm đầu thế kỉ này cho thấy sự mở rộng mạnh mẽ ranh giới của ngôn ngữ học.

Những biến đổi trong nghiên cứu ngôn ngữ và về mối quan hệ giữa ngôn ngữ với văn hóa cộng đồng cần được tính đến trong ứng dụng, nhất là trong dạy học ngôn ngữ dân tộc.

3.2. Cải cách giáo dục ở Việt Nam những năm đầu thế kỉ XXI đã phần nào phản ánh

---

[1] Cũng cần phải nói rằng hàng loạt các nhà khoa học (D. Dodd, G.V. Kolshanskji, B. A. Serebrennikov, R.M. Wait, R.M. Frumkina, E. Hollenshtein) cực lực phê phán "Giả thuyết về tính tương đối của ngôn ngữ". Chẳng hạn, B.A.Serebrennikov thể hiện quan niệm của mình về giả thuyết đó như sau: 1) Nguồn gốc của khái niệm là sự vật và hiện tượng trong thế giới; 2) Ngôn ngữ thích nghi chủ yếu với đặc điểm sinh vật của con người, và , những đặc điểm này xuất hiện sau một quá trình thích nghi lâu dài của cơ thể sống với môi trường xung quanh; 3) Sự phân chia thế giới ngoài ngôn ngữ không giống nhau giữa các ngôn ngữ xảy ra ở giai đoạn đầu của sự định danh. Nó được giải thích bằng sự không giống nhau về khả năng liên tưởng và sự khác biệt về chất liệu ngôn ngữ được lưu giữ từ những thế hệ trước [7].

được xu hướng nghiên cứu liên ngành nhằm tạo ra những nội dung dạy học có tính tích hợp, trong đó có môn Ngữ văn ở Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông (THPT) và môn Tiếng Việt ở Tiểu học (TH). Các nội dung dạy học, ở một mức độ nhất định đã khắc phục lối dạy học hàn lâm dưới ảnh hưởng của nghiên cứu ngôn ngữ như một hệ thống độc lập, tồn tại một các "tự thân" và "phục vụ chính nó". Xu hướng dạy học bản ngữ dần dần hướng tới cung cấp tri thức có tính "thực dụng" hơn, hướng tới rèn luyện khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thực tiễn dưới ảnh hưởng của văn hóa giao tiếp cộng đồng, như nhiều bài *Luyện từ và câu* ở Tiểu học, các bài về *Hành động ngôn ngữ, Hội thoại* ở Trung học cơ sở và một số *bài Luyện về biện pháp tu từ, Phong cách ngôn ngữ chức năng* ở THPT.

Xu hướng tích hợp cũng thấy rõ trong các bài học Tiếng Việt, với sự liên hệ với Đọc – hiểu văn bản và Tập làm văn. Điều đó đã làm cho việc dạy học Tiếng Việt trở nên có ý nghĩa thiết thực hơn. Song, những nội dung dạy học vẫn chủ yếu nằm trong khuôn khổ của chính phân môn (rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết) và khuôn khổ của môn Ngữ văn (phục vụ cho rèn luyện kĩ năng của các phân môn khác: Đọc-hiểu, Tập làm văn). Vấn đề cung cấp các kiến thức văn hóa dân tộc nhằm tạo cho học sinh ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, mặc dù đâu đó, có được nhắc đến và rèn luyện nhưng chưa thực sự trở thành một nhiệm vụ được đề cao một cách có hệ thống và bài bản. Nói cách khác, các vấn đề về dạy học văn hóa trong mối quan hệ với dạy học bản ngữ chưa được nhìn nhận và chú trọng đúng với mối quan hệ thực của chúng trong đời sống thực tiễn và đời sống khoa học.

Mặt khác, các vấn đề của văn hóa Việt chưa có một môn học chuyên biệt trong nhà trường phổ thông đảm nhiệm. Trong khi đó, các vấn đề văn hóa dân tộc cũng cần thiết được cung cấp một cách có hệ thống. Nhất là trong giai đoạn "xây dựng và phát triển một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc" như hiện nay thì việc cung cấp các nội dung văn hóa trong nhà trường thông qua các môn học khác là cần thiết.

4. Kết luận

Để có thể có những định hướng cơ bản nhằm tăng cường tính hiệu quả của việc dạy học Tiếng Việt trong thời gian tới, cần có những nghiên cứu sớm để cụ thể hóa những vấn đề của tiếng Việt với văn hóa Việt, từ đó có chiến lược để hiện thực hóa mối quan hệ đó trong dạy học Tiếng Việt ở nhà trường phổ thông.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Chương trình Tiếng Việt Tiểu học.

2. Chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở

3. Chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở

Tiếng Nga

4. Карасик, В. И. *Языковой круг: личность, концепты, дискурс.* - Волгоград, 2002.

5. Лихачев, Д. С. *Очерки по философии художественного творчества.* - СПб., 1996.

6. Лотман, Ю. М. *Культура и взрыв.* - М., 1992.

7. Серебренников, Б. А. *О материалистическом подходе к явлениям языка.* - М., 1983.

8. Смелзер, Н. *Социология.* - М., 1994. - С. 48-53.

9. Толстой, Н. И. *Язык и культура // Язык и народная культура. Очерки по славянской мифологии и этнолингвистике.* - М., 1995.

10. Уорф, Б. Л. *Отношение норм поведения и мышления к языку // Новое в зарубежной лингвистике.* - М., 1960. - Вып. 1.

(Ban biên tập nhận bài ngày 05-10-2010)